

Số: 20/2025/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 13 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – GIA LAI**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật
Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường
vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ
phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2025/TLST-
HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa
thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1989 và chị Võ Thị Thu H, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Gia Lai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Anh Phạm Thanh T và chị Võ Thị Thu H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại
Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã K, tỉnh Gia Lai) theo giấy chứng
nhận đăng ký kết hôn số 66, quyền số 01/2009, vào ngày 15 tháng 10 năm 2009.

Hiện nay, hai bên xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo
dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận
tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T và chị H có 02 người con chung:

Cháu Phạm Minh T1, sinh ngày 03/8/2010, và cháu Phạm Bảo K, sinh ngày
31/5/2013, hiện chưa thành niên.

Anh chị thống nhất giao cháu Phạm Minh T1 cho anh Phạm Thanh T, giao cháu
Phạm Anh K1 cho chị Võ Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo
dục cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự,
không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình.

Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Võ Thị Thu H tự nguyện chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thanh T và chị Võ Thị Thu H thuận tình ly hôn
- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Minh T1 cho anh Phạm Thanh T, giao cháu Phạm Anh K1 cho chị Võ Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình.

Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom gây ảnh hưởng xấu, Tòa án có thể hạn chế quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị Võ Thị Thu H tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0002956 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 10;
- UBND xã K'Dang;
- Lưu: Hồ sơ việc HN&GD.

THẨM PHÁN

Lê Văn Tiến

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của [Bộ luật Tố tụng dân sự](#), [Luật Hôn nhân và Gia đình](#).
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].